

MỘT SỐ CHIẾN LƯỢC GIAO TIẾP TRONG CA DAO VỀ TÌNH YÊU ĐÔI LỬA

Trương Chí Hùng

Khoa Sư phạm, Trường Đại học An Giang

Tóm tắt. Ca dao về tình yêu đôi lứa là một bộ phận văn học dân gian đặc sắc của người Việt. Trong bài viết này, chúng tôi nghiên cứu ca dao về tình yêu đôi lứa dưới góc độ ngữ dụng học, cụ thể là chỉ ra một số chiến lược giao tiếp được tác giả dân gian vận dụng. Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy, để thiết lập và duy trì mối quan hệ hài hòa trong giao tiếp, tác giả dân gian đã có chiến lược lựa chọn từ xưng hô phù hợp và cổ tình vì phạm phượng châm về lượng. Bên cạnh đó, họ thực hiện chiến lược tạo ra hàm ngôn bằng cách dùng lối nói mơ hồ, vòng vo đồng thời sử dụng các hành động tạo lời gián tiếp. Các chiến lược hợp lí đã góp phần giúp nhân vật giao tiếp đạt được mục đích.

Từ khóa: Ca dao, chiến lược giao tiếp, từ xưng hô, hàm ngôn.

1. Mở đầu

Ngữ dụng học ra đời và phát triển như một kết quả tất yếu của lịch sử nghiên cứu ngôn ngữ. Đó là một chuyên ngành nghiên cứu cách sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp, nghiên cứu ngôn ngữ trong sự chi phối của ngữ cảnh. Trong ngữ dụng học, giao tiếp là khái niệm nền tảng, là căn nguyên chi phối nhiều yếu tố khác. Theo Đỗ Hữu Châu, “Với cách hiểu bao quát nhất thì giao tiếp bằng ngôn ngữ là hoạt động diễn ra khi ít nhất có hai người sử dụng một ngôn ngữ tự nhiên để tác động lẫn nhau” [1, tr.96]. Con người sử dụng ngôn ngữ để thể hiện nhận thức về sự vật, hiện tượng và trao đổi tâm tư tình cảm, bày tỏ quan điểm... Trong quá trình giao tiếp, người nói mã hóa thông tin để truyền thông tin cho người nghe, người nghe tiếp nhận thông tin và giải mã thông tin để hiểu. Sự thông hiểu là kết quả cuối cùng của quá trình giao tiếp. Để hướng tới mục đích hay nhằm đạt được hiệu quả giao tiếp như mong muốn thì “chiến lược giao tiếp” cần phải được thực thi. “Chiến lược là phương thức mà các nhân vật giao tiếp sử dụng để giải quyết các mối quan hệ đặt ra trong quá trình hội thoại nhằm đạt được những mục đích giao tiếp cụ thể” [2, tr.32].

Đã từ lâu, ca dao được xem là tiếng nói tâm tư tình cảm của người bình dân, nơi chứa đựng nhiều vẻ đẹp tri thức, văn hóa dân gian. Từ trước đến nay, ca dao luôn là “mảnh đất màu mỡ” thu hút rất nhiều nhà nghiên cứu đi sâu khai thác. Trước tiên, chúng ta có thể kể đến các công trình nghiên cứu mang tính sưu tầm, ghi chép lại kho tàng ca dao trong dân gian. Điển hình trong số này là công trình của các tác giả: Vũ Ngọc Phan [3], Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật (chủ biên) [4], Huỳnh Ngọc Trảng, Phạm Thiếu Hương [5], Nguyễn Hoàng Phương [6]. Kể đến là nhóm công trình nghiên cứu, phê bình, bình giảng ca dao như một thể loại thơ ca dân gian lấy ngôn từ làm chất liệu. Các công trình tiêu biểu trong nhóm này có thể kể đến *Văn học dân gian những công trình nghiên cứu* của tác giả Bùi Mạnh Nhị [7], *Thi pháp ca dao* của Nguyễn Xuân Kính [8], *Những thế giới nghệ thuật của ca dao* của Phạm Thu Yên [9], *Nghệ*

Ngày nhận bài: 3/5/2020. Ngày sửa bài: 29/7/2020. Ngày nhận đăng: 5/8/2021.

Tác giả liên hệ: Trương Chí Hùng. Địa chỉ e-mail: tchung@agu.edu.vn

thuật chơi chữ trong ca dao người Việt của Triều Nguyên [10], *Ca dao Việt Nam và những lời bình* của Vũ Thị Thu Hương [11]. Về phương diện nghiên cứu ca dao dưới góc độ ngôn ngữ học, đặc biệt là Ngữ dụng học, chúng ta có thể kể đến tác giả Phạm Thị Hà với công trình *Đại từ nghi vấn “ai” với việc biểu thị hành vi hỏi trong ca dao tỏ tình người Việt* [12, tr.53-59], tác giả Bùi Trọng Ngoãn với công trình *Đọc lại hai bài ca dao dưới góc nhìn ngữ dụng học* [13, tr.115-119], tác giả Vũ Thị Tuyết với công trình *Mối quan hệ giữa tiền giả định và ý nghĩa hàm ẩn trong bài ca dao Hôm qua tát nước đầu đình* [14, tr.36-41], nhóm tác giả Huỳnh Kim Tường Vi và Thạch Thị Hoàng Ngân với bài viết *Từ ngữ xưng hô trong thơ ca dân gian Nam Bộ* [15, tr.73-80], Đậu Thị Ánh Tuyết với công trình *Ngôn ngữ trong ca dao tình yêu của người Việt vùng sông nước Cửu Long* [16, tr.48-52] và tác giả Nguyễn Thị Hải với công trình *Động từ ngữ vi câu khiến trong ca dao người Việt* [17, tr.53-58]. Có thể thấy, ca dao nói chung và ca dao về tình yêu đôi lứa nói riêng đã được rất nhiều học giả quan tâm nghiên cứu, dưới nhiều góc độ tiếp cận khác nhau. Thứ nhất, có nhóm tác giả tiến hành sưu tầm, tổng hợp, phân loại ca dao theo chủ đề hoặc theo tiêu chí vùng miền, dân tộc. Thứ hai, có nhóm tác giả nghiên cứu, phê bình ca dao dưới góc nhìn thi pháp học, nghĩa là tiếp cận ca dao như một thể loại thơ ca dân gian. Thứ ba là nhóm tác giả nghiên cứu ca dao dưới góc độ ngôn ngữ học, đặc biệt là phương diện ngữ dụng học. Ở phương diện ngữ dụng học, chúng tôi nhận thấy các tác giả chủ yếu tập trung nghiên cứu về hành vi ngôn ngữ; tiền giả định và nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn; từ ngữ xưng hô trong ca dao ở Nam Bộ. Chưa có công trình nào nghiên cứu về chiến lược giao tiếp thể hiện qua các bài ca dao về tình yêu đôi lứa của người Việt.

Như chúng ta đã biết, một trong những đặc trưng cơ bản của văn học dân gian, cũng như ca dao dân ca, đó là tính truyền miệng. Nghĩa là từ xa xưa, ca dao đã xuất hiện và tồn tại trong môi trường diễn xướng dân gian, với hình thức truyền miệng chứ không phải dưới dạng văn tự. Cũng chính từ các môi trường diễn xướng dân gian như trong các cuộc hát hò đối đáp giao duyên, trong lao động sản xuất, trong lễ hội... chiến lược giao tiếp theo hình thức “đối khẩu” được tác giả dân gian vận dụng một cách linh hoạt. Đó là chiến lược giao tiếp tương tác trực diện, đòi hỏi sự đối đáp nhanh nhạy, hiệu quả. Trong các chủ đề mà ca dao phản ánh thì tình yêu đôi lứa là chủ đề nổi bật và có nhiều hình thức diễn bày. Không ít bài ca dao về tình yêu đôi lứa được xây dựng theo lối đối – đáp giao duyên, vì vậy mà nhìn dưới góc độ ngữ dụng học thì đó chính là một cuộc giao tiếp, diễn ra với cấu trúc, trình tự của một cuộc giao tiếp. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi sẽ tiến hành phân tích một số chiến lược giao tiếp nổi bật trong các bài ca dao về tình yêu đôi lứa tiêu biểu.

2. Nội dung nghiên cứu

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát 179 cuộc giao tiếp dưới hình thức đối đáp qua thể loại ca dao, gồm 358 lượt lời, tương đương với 358 bài ca dao. Mỗi cuộc giao tiếp bao gồm một lượt “trao lời” và một lượt “đáp lời”. Xét về mục đích giao tiếp, chúng tôi tạm chia ra thành 6 nhóm: (1) chào hỏi, làm quen (49 cuộc); (2) tỏ tình (30 cuộc); (3) đố, thách đố (35 cuộc); (4) hứa hẹn, thề nguyện (25 cuộc); (5) thể hiện niềm hạnh phúc với chuyện tình viên mãn (12 cuộc); (6) thể hiện cảm xúc, tâm trạng khi cuộc tình tan vỡ, biệt ly (28 cuộc). Trong số 179 cuộc giao tiếp mà chúng tôi khảo sát, có đến 101 cuộc do nhân vật giao tiếp là nam giới khởi xướng, 70 cuộc do nhân vật nữ khởi xướng, 8 cuộc không xác định được người khởi xướng. Nhân vật giao tiếp là nam giới khởi xướng nhiều ở các cuộc giao tiếp nhằm chào hỏi, làm quen; tỏ tình. Điều này cho thấy, sự chủ động của nam giới trong việc bắt chuyện cũng như thúc đẩy cuộc giao tiếp lên mức độ cao hơn. Trong khi đó, nhân vật nữ lại khởi xướng nhiều ở các cuộc giao tiếp nhằm đố, thách đố. Có lẽ đây là cách mà các cô gái muốn kiểm tra tri thức, sự nhạy bén và chân thành của đối phương, để từ đó quyết định chuyện trăm năm hoặc đường ai nấy đi. Các cuộc giao tiếp còn lại,

tỉ lệ nhân vật nam và nhân vật nữ khởi xướng là khá đồng đều nhau. Khảo sát 179 cuộc giao tiếp qua ca dao, chúng tôi nhận thấy có một số chiến lược nổi bật sau đây:

2.1 Chiến lược lựa chọn từ xưng hô phù hợp với từng hoàn cảnh giao tiếp

Hệ thống các từ xưng hô trong ca dao về tình yêu đôi lứa rất phong phú, chứa đựng nhiều sắc thái biểu cảm. Mỗi cặp từ xưng hô đều thể hiện một kiểu quan hệ giao tiếp nhất định. Theo khảo sát, trong số 179 cuộc giao tiếp gồm 358 lượt lời, tác giả dân gian đã dùng các cặp từ xưng hô như: *anh-em* hoặc *em-anh* (106 lượt); *chàng-thiếp* hoặc *thiếp-chàng* (15 lượt); *tôi-em* hoặc *tôi-anh* (9 lượt); *anh-nàng* hoặc *em-chàng* (7 lượt); *ta-mình* hoặc *mình-ta* (7 lượt), *tôi-mình* hoặc *mình-tôi* (6 lượt), *qua-bậu* (6 lượt). Ngoài ra còn có các dạng xưng hô khá đặc biệt như: *anh-gái thuyền duyên* (2 lượt), *tôi-cô* (2 lượt); *trai nam nhân-gái má đào* hoặc *trai nam nhân-gái bốn mùa* (4 lượt), *mình-em hai* (2 lượt), *anh-người bạn cũ tri âm* (1 lượt)... Đặc biệt, có đến 36 lượt lời khuyết hoàn toàn từ xưng hô, 27 lượt lời có từ *xưng* nhưng khuyết từ *hô*, 19 lượt lời có từ *hô* nhưng khuyết từ *xưng*. Có thể nhận thấy, hệ thống từ xưng hô trong các bài ca dao tình yêu đôi lứa mà chúng tôi khảo sát rất đa dạng, trong đó chiếm tỉ lệ cao là cách xưng hô bằng từ thân tộc *anh-em* hoặc *em-anh*. Đây cũng là hai đại từ xuất hiện phổ biến trong các cuộc giao tiếp của những đôi lứa yêu nhau. Ngoài ra, một số từ xưng hô chuyên dụng như *chàng-thiếp*, *chàng-nàng* (từ xưng hô của nam nữ thời xưa) hoặc *qua-bậu* (từ xưng hô trong giao tiếp của nam nữ thời xưa ở Nam Bộ) cũng xuất hiện khá nhiều. Xét về chiến lược giao tiếp, chúng tôi nhận thấy trong các cuộc giao tiếp *chào hỏi*, *làm quen*, tác giả dân gian thường chọn các giao tiếp *khuyết từ xưng hô*. Đây là một chiến lược khéo léo nhằm mục đích thăm dò phản ứng của đối phương, để từ đó đưa ra những phương án giao tiếp hữu hiệu. Như trong ngữ liệu (1) sau đây:

- (1) - *Bờ cao năng đắp năng cao*
Gặp nhau năng hỏi, năng chào nên quen.
(2) - *Đó đây trước lạ sau quen*
Chẳng gần qua lại đôi phen cũng gần.

Trong các cuộc giao tiếp chào hỏi, làm quen, nếu có sử dụng từ ngữ xưng hô, tác giả dân gian cũng chọn những từ thể hiện mức độ thân cận thấp như: *tôi-cô*, *tôi-bạn*, *tôi-cô ba*, *đây-đấy*, *đây-đó*...

- (3) - *Mở lời chào gió, chào trăng*
Chào quanh Núi Chúa, chào băng Sông Trà
Mở lời chào chị em ta
Bên hữu đàn bà bên tả đàn ông
Mở lời chào gái nữ công
Chào trai tiết hạnh giữa đám đông hội này.
(4) - *Khoan khoan bố bạn khoan chào*
Lại đây ta hỏi người nào biết ta
Từ khi cha mẹ sinh ra
Tự lớn chỉ nhỏ, bạn ta mấy lần
Xưng rằng bạn cựu bạn tân
Lại đây ta hỏi mới giao lân kết nguyên.

Chúng ta nhận thấy, trong ngữ liệu (3), chủ thể trữ tình thực hiện chiến lược giao tiếp *khuyết từ xưng hô*. Đến ngữ liệu (4), mặc dù từ xưng hô đã xuất hiện, đó là cặp xưng hô *ta-bạn*, nhưng đây vẫn là cặp từ xưng hô thể hiện mức độ thân cận rất thấp. Điều này cho thấy, tuy đối tượng giao tiếp đã chấp nhận tham gia vào cuộc đối đáp, nhưng vẫn giữ một thái độ dè chừng cảnh giác cần thiết.

Nếu như giai đoạn đầu gặp gỡ, chàng trai, cô gái thường chọn những từ xưng hô thể hiện sự dè dặt, thì đến khi mức độ thân cận tăng lên, giao tiếp nhằm mục đích *hứa hẹn*, *thề nguyện*

hoặc thể hiện hạnh phúc với chuyện tình viên mãn, tác giả dân gian có xu hướng sử dụng những từ ngữ xưng hô thân mật như: *anh-em, chàng-thiếp, mình-tôi*. Trong số đó, cặp từ xưng hô *anh-em* chiếm số tần suất sử dụng cao nhất với trên 60%. Ví dụ:

- (6) - *Đêm khuya thiếp mới hỏi chàng*
Cau xanh ăn với trầu vàng xứng chăng?
(7) - *Trầu vàng nhá lẫn cau xanh*
Duyên em sánh với tình anh tuyệt vời.

Đặc biệt, có những trường hợp nhân vật giao tiếp chuyển từ việc dùng từ xưng hô trong tình yêu đôi lứa sang dùng từ xưng hô trong giao tiếp vợ chồng. Điều này cho thấy, họ có ý muốn nâng mối quan hệ yêu đương lên thành chuyện trăm năm. Ví dụ:

- (8) - *Bấy lâu chàng đợi thiếp trông,*
Bây giờ chàng hỏi thiếp nói không sao đành.
(9) - *Mình nghiêng tai tôi nói nhỏ cho rành,*
Theo mình có thác cũng đành dạ tôi.

Đối với các cuộc giao tiếp thể hiện cảm xúc, tâm trạng khi cuộc tình tan vỡ, biệt ly, tác giả dân gian có xu hướng sử dụng các từ xưng hô với độ thân cận thấp hoặc khuyết từ xưng hô. Ví dụ:

- (10) - *Sông sâu ngựa lội ngập kiêu*
Dầu ai ở bạc cũng còn nhiều nơi thương
(11) - *Phụ đây đây cũng chẳng lo*
Cầu gãy còn đò, giếng cạn còn sông.

Xét về các từ xưng hô trong ca dao tình yêu đôi lứa, ta thấy có nhiều cách xưng hô khác nhau, tùy theo cách lựa chọn từ xưng hô của nhân vật giao tiếp sẽ giúp thiết lập và duy trì mối quan hệ tình cảm của họ. Cách xưng hô trong ca dao tình yêu đã cho ta thấy được thái độ, tình cảm của người nói đối với người nghe. Tác giả dân gian đã khéo léo lựa chọn chiến lược sử dụng từ xưng hô phù hợp với từng hoàn cảnh, mục đích giao tiếp, tùy theo mức độ thân sơ với người giao tiếp. Ở giai đoạn mới gặp gỡ, hầu như chưa quen biết nhau, tác giả dân gian thường dùng lối nói *khuyết từ xưng hô* hoặc dùng các từ xưng hô với mức độ thân cận thấp. Khi mối quan hệ giao tiếp được thiết lập, mức độ thân cận tăng dần lên cũng là lúc các nhân vật giao tiếp lựa chọn từ xưng hô thể hiện sự thân mật, thậm chí là những cặp từ chỉ dùng cho giao tiếp vợ chồng. Khi tình yêu tan vỡ, tác giả thường dùng những từ xưng hô có mức độ thân cận thấp hoặc không dùng từ xưng hô. Chiến lược lựa chọn từ xưng hô phù hợp góp phần quan trọng giúp các nhân vật trữ tình trong ca dao tình yêu đôi lứa có thể thiết lập được mối quan hệ tốt đẹp, đồng thời duy trì, phát triển mối quan hệ đó với đối tượng giao tiếp của mình.

2.2 Cố ý vi phạm phương châm về lượng để đạt mục đích giao tiếp

Trong giao tiếp, cả bên nói và bên nghe thông thường sẽ cộng tác với nhau, cùng đóng góp vào cuộc thoại nhằm đạt mục đích giao tiếp. Một trong những phương châm giúp các đối tượng giao tiếp cộng tác tốt với nhau chính là *phương châm về lượng*. Phương châm này đòi hỏi người nói phải nói sao cho có nội dung đáng nói, không nói nhiều hơn cái nội dung đáng nói [18, tr.110]. Trong thực tế, người giao tiếp đôi khi lại cố ý vi phạm phương châm về lượng để tạo ra một chiến lược giao tiếp có lợi.

Khảo sát 179 cuộc giao tiếp với 358 lượt lời, chúng tôi nhận thấy có đến 86 lượt lời tương ứng với 86 bài ca dao được chủ thể trữ tình dùng lối nói cố ý vi phạm phương châm về lượng (chiếm tỉ lệ 24,0%). Điều này cho thấy, các lượt lời vi phạm phương châm về lượng xuất hiện khá phổ biến trong những cuộc giao tiếp thể hiện qua ca dao về tình yêu đôi lứa. Nói cách khác, việc cố ý vi phạm phương châm về lượng có thể được xem là một chiến lược trong giao tiếp.

Xem xét các bài ca dao mà tác giả dân gian cổ tình vi phạm phương châm về lượng, chúng tôi nhận thấy có một số nét nổi bật sau:

Có 28 trong tổng số 86 lượt lời vi phạm phương châm về lượng (chiếm 32,6%) là do người phát ngôn cố ý tạo ra ở lượt lời đầu tiên, dưới mô hình phát ngôn dạng *xy*, trong đó, *x* là nội dung dư thừa, *y* là nội dung cốt lõi. Nghĩa là, nếu không có *x*, thì *y* vẫn đảm trách được mục đích giao tiếp. Đây thường là những phát ngôn mang tính rào đón, người nói dùng *x* như một phương tiện dẫn ý ngẫu nhiên để từ đó đưa ra cái đích chính của phát ngôn là *y*.

Ví dụ:

- (12) – *Sông sâu sóng bủa lảng cò (x)*
Thương em vì bởi câu hò có duyên
Chưa chồng ở vậy cho nguyên
Đặng anh dọn chiếc thuyền quên rước về (y).
- (13) – *Anh đừng nói vậy anh ơi,*
Hình dung yếu điệu có đôi bao giờ?
Trăm năm tượng rách vẫn thờ,
Lờ duyên chịu lỗ, quyết chờ đợi anh.

Có 58 trong số 86 lượt lời vi phạm phương châm về lượng (chiếm 67,4%) là do người phát ngôn cố ý tạo ra ở cả 2 lượt lời, theo mô hình phát ngôn dạng *xy, ab*. Trong đó, *x* và *a* là nội dung thừa, *y* và *b* là nội dung cốt lõi của phát ngôn. Hơn nữa, *x* và *a* thường có cấu trúc tương tự nhau, còn *y* và *b* cùng chủ đề. Như trường hợp sau:

- (14) – *Hoa cúc vàng nở ra hoa cúc tím (x)*
Em có chồng rồi, trả yếm cho anh! (y)
- (15) *Hoa cúc vàng nở ra hoa cúc xanh (a)*
Yếm em em mặc, yếm gì anh anh đòi? (b)

Xét về mục đích giao tiếp, trong số 358 lượt lời được khảo sát, chúng tôi nhận thấy các lượt lời cổ tình vi phạm phương châm về lượng phân bố rải rác ở cả 6 nhóm, bao gồm: (1) chào hỏi, làm quen (24 lượt); (2) tỏ tình (23 lượt); (3) đố, thách đố (8 lượt); (4) hứa hẹn, thề nguyện (6 lượt); (5) thể hiện niềm hạnh phúc với chuyện tình viên mãn (8 lượt); (6) thể hiện cảm xúc, tâm trạng khi cuộc tình tan vỡ, biệt ly (17 lượt). Như vậy, các lượt lời cổ tình vi phạm phương châm về lượng chiếm tỉ lệ cao ở các bài ca dao hướng đến mục đích *chào hỏi, làm quen*. Điều này hoàn toàn phù hợp bởi khi các nhân vật giao tiếp chưa có mối quan hệ nhất định, họ cần có một phương tiện để dẫn lời, xem như là “cái cớ” để mở lời với nhau. Tương tự, trong những cuộc giao tiếp để *tỏ tình*, các nhân vật có sự e ngại nhất định, bởi dù sao thì tiếng nói yêu thương cũng không dễ dàng gì khi tốt ra, chính vì vậy họ chọn cách nói “thừa” câu chữ, cổ tình vi phạm phương châm về lượng để từ đó giải bày nỗi lòng. Ví dụ:

- (15) – *Tàu ông Chánh chạy ngang cồn cát*
Xuồng câu tôm đậu sát mé nga (x)
Thấy em có một mẹ già
Muốn vô phụng dưỡng biết là đặng không?(y)
- (16) – *Anh ơi có được hay không*
Cha mẹ bằng lòng em mới dám thương.

Trong khi đó, các cuộc giao tiếp nhằm *bày tỏ cảm xúc, tâm trạng khi cuộc tình tan vỡ, biệt ly*, tác giả dân gian cũng có xu hướng dùng kiểu nói vi phạm phương châm về lượng như một chiến lược. Nghĩa là lúc này họ cũng không đi thẳng vào vấn đề mà chọn lối nói vòng vo. Điều

đó cho thấy mối quan hệ của họ không còn tốt đẹp, và những điều cần nói ra không thể trình bày thẳng thắn, trực tiếp. Ví dụ:

- (17) – Sông sâu ngựa lội ngập kiêu (x)
Dẫu anh ở bạc cũng còn nhiều nơi thương. (y)
(18) – Phụ đây đây cũng chẳng lo
Cầu gãy còn đò, giếng cạn còn sông.

2.3. Chiến lược tạo lối nói mơ hồ

Lối nói mơ hồ là lối nói không rõ ràng. Một biểu thức ngôn ngữ có từ hai cách hiểu trở lên thì được gọi là mơ hồ. Từ lối nói mơ hồ đã tạo ra những hàm ngôn trong câu thoại của cuộc giao tiếp. Xét về phương châm hội thoại thì lối nói mơ hồ là việc cố tình vi phạm phương châm cách thức, tuy nhiên trong ca dao tình yêu, đôi khi lối nói mơ hồ được vận dụng như một chiến lược giao tiếp hữu hiệu. Khảo sát 179 cuộc giao tiếp, chúng tôi nhận thấy có 71 cuộc sử dụng lối nói mơ hồ, chiếm 39,7%. Trong đó, phổ biến nhất là trong các cuộc giao tiếp nhằm mục đích *hứa hẹn, thể nguyện* với 23 cuộc; kế đến là giao tiếp nhằm *tỏ tình* với 19 cuộc; *thể hiện cảm xúc, tâm trạng khi cuộc tình tan vỡ, biệt li* có 12 cuộc. Sử dụng lối nói mơ hồ xuất hiện ít trong các cuộc giao tiếp nhằm *chào hỏi, làm quen*, chỉ với 5 cuộc; bên cạnh đó là giao tiếp *thể hiện niềm hạnh phúc với chuyện tình viên mãn*, cũng có 5 cuộc; giao tiếp nhằm *đố, thách đố* có 7 cuộc.

Xét về mục đích giao tiếp, lối nói mơ hồ là cách để tác giả dân gian chuyển tải những ẩn ý kín đáo đến đối tượng giao tiếp. Đồng thời, chiến lược này cũng nhằm tránh nói trực tiếp những điều dung tục, cấm kỵ. Ví dụ:

- (19) - *Trầu xanh, cau trắng, khay vàng*
Coi trầu bịt bạc, thiếp mời chàng ăn chung.
(20) - *Trầu này trầu mẹ trầu cha,*
Hay là trầu bạn đưa ta hồi nàng!

Trong ngữ liệu (19), cô gái nói mơ hồ về việc “mời trầu” chàng trai, đây cũng là hàm ý việc cô chấp nhận kết tóc se tơ với chàng trai ấy. Bởi lẽ, trong văn hóa dân gian người Việt, một phụ nữ chủ động mời trầu chàng trai là xem như cô ấy gián tiếp chấp nhận kết duyên trăm năm với chàng. Lối nói mơ hồ của cô gái trong bài ca dao (19) vừa giữ được nét tế nhị, vừa khéo léo chuyển được thông điệp táo bạo của cô đến với chàng trai. Lời hỏi đáp của chàng trai ở ngữ liệu (20) cho thấy chàng trai đã hiểu lòng cô gái, tuy nhiên chàng vẫn dùng hành động *hỏi* như một cách xác tín lại điều cô gái nói với mình có thật hay không.

Trường hợp ở ngữ liệu (21) và (22) được dẫn sau đây lại xem như cách người nói muốn tránh thốt ra điều dung tục.

Chàng trai:

- (21) - *Hoa kia tươi tốt rườm rà*
Tuy rằng tươi tốt nhưng mà ong châm.

Cô gái:

- (22) - *Anh ở trong ấy anh ra?*
Cớ sao anh biết vườn hoa chị tàn?
Hoa tàn nhưng nhị chưa tàn
Muốn xem chị vén bức màn cho xem.

Khi hoạt động tương tác giữa con người với con người trong xã hội không chỉ dừng lại ở việc trao đổi thông tin thuần túy mà chuyển sang giai đoạn của giao tiếp văn hóa thì lúc này ngôn ngữ không chỉ làm chức năng đơn thuần là gọi tên sự vật, hiện tượng để phản ánh nhận thức lí tính của con người mà còn có chức năng biểu đạt sự tinh tế của hành vi giao tiếp. Và từ

đó lối nói mơ hồ, vòng vo đã trở thành hiện tượng ngôn ngữ phổ biến trong hoạt động giao tiếp hàng ngày của con người. Trong kho tàng ca dao người Việt, ta không khó để bắt gặp những bài ca dao tỏ tình với cách nói vòng vo đầy ẩn ý, nhưng vẫn khiến cho đối tượng giao tiếp hiểu được thông điệp mình muốn chuyển tải. Điển hình như:

(23) - *Đêm trăng thanh anh mới hỏi nàng
Tre non đủ lá đan sàng nên chăng?*

Ở ngữ liệu (23), chàng trai đã dùng lối nói vòng vo như một ẩn ý để ước hỏi cô gái về chuyện kết tóc se tơ. Chi tiết như *tre non đủ lá* ngầm chỉ những người (chàng trai và cô gái) đã đến tuổi có thể dựng vợ gả chồng; chi tiết *đan sàng, sàng* hàm ý về chuyện kết hôn và đời sống vợ chồng. Cô gái cũng chọn lối nói mơ hồ, vòng vo để hồi đáp cho chàng trai:

(24) - *Đan sàng thiếp cũng xin vâng
Tre non đủ lá non chăng hờい chàng?*

Cô gái đã rất tế nhị, nhận lời đầy nhưng vẫn khéo léo chất vấn lại để chàng trai hiểu rằng thời điểm hiện tại có thể chưa hoàn toàn phù hợp để kết mối lương duyên, bởi “tre non” vừa đủ lá thì chưa hẳn đã cứng cáp, cũng như “chàng – thiếp” chưa hẳn đã chững chạc, đã trưởng thành để tính chuyện trăm năm. Mặc dù chưa chấp nhận kết duyên với chàng trai ở thời điểm hiện tại, nhưng cách nói của cô gái không làm mất thể diện của chàng trai. Ngược lại, nó để tạo sự đồng thuận để chàng trai chấp nhận và đợi chờ.

Có thể nói, lối nói mơ hồ, vòng vo là cách chuyển tải ẩn ý thường thấy trong ca dao, nhưng đôi khi đây cũng được dùng như một chiến lược để tạo hiệu quả giao tiếp. Bởi lẽ, khi đối tượng hiểu được ẩn ý của người nói, nghĩa là đối tượng đã có một nền tảng tri thức, văn hóa nhất định. Cách nói ẩn ý không chỉ là cách để đánh đố tư duy, mà nó như một “phép thử” để xem đối phương có thực sự thấu hiểu, đồng điệu với mình không. Thông qua “phép thử” ngôn từ, nếu hai đối tượng đồng điệu và xứng hợp thì có thể tiến xa hơn trong tình yêu, điều đó hoàn toàn đem lại kết quả viên mãn. Nhưng nếu qua “phép thử” này mà họ không hiểu nhau, thì có thể đường ai nấy đi. Trong bối cảnh xã hội xưa, khi nam nữ chưa có nhiều điều kiện để gặp gỡ, trao đổi tâm tư tình cảm do định kiến hà khắc, thì chiến lược tạo lối nói mơ hồ có thể được xem là một phương pháp hữu ích để thăm dò, tìm hiểu đối phương. Ở góc độ tu từ, chúng tôi nhận thấy chiến lược tạo lối nói mơ hồ được xây dựng dựa trên nhiều biện pháp tu từ như ẩn dụ, hoán dụ, so sánh, điển tích điển cố... Trong đó, nổi bật nhất là biện pháp tu từ ẩn dụ.

2.4 Chiến lược sử dụng hành động tại lời gián tiếp

Đỗ Hữu Châu cho rằng: “*Sử dụng các hành vi ngôn ngữ theo lối gián tiếp là biện pháp rất có hiệu lực, để truyền báo các ý nghĩa hàm ẩn, đặc biệt là các ý nghĩa hàm ẩn dụng học*” [19, tr.379]. Trong ca dao tình yêu đôi lứa, có những lúc nhân vật giao tiếp sử dụng hành động tại lời gián tiếp như một chiến lược, và người nghe cũng phải tự suy ý ra. Có rất nhiều phương thức để tạo ra hành động tại lời gián tiếp. Qua khảo sát các cuộc giao tiếp trong ca dao về tình yêu đôi lứa, chúng tôi nhận thấy có đến 163/358 lượt lời có sử dụng hành động tại lời gián tiếp, chiếm tỉ lệ 45,5%. Một số phương thức tạo hành động tại lời gián tiếp tiêu biểu trong ca dao về tình yêu đôi lứa là:

(a) sử dụng cấu trúc của hành động tại lời trực tiếp là *cầu khiến* để thực hiện hành động tại lời gián tiếp là *từ chối, chê bai, thách thức* (có 41 lượt lời, chiếm 25,2%). Ví dụ:

(25) - *Anh về anh cạo râu đi,
Mai sau trở lại, anh thì đến chơi.*

(26) - *Tức cái phận, giận cái duyên,
Ba cái râu mọc sớm để gái thuyền duyên giày vò.*

Chúng ta thấy, ở lượt lời (25), cô gái đã dùng cấu trúc hành động *cầu khiến*, cụ thể là *yêu cầu* chàng trai thực hiện hành động *cạo râu cho trẻ lại rồi hãy đến chơi*. Tuy nhiên, trong tâm thức người Việt, *râu* mang nghĩa biểu trưng cho người đàn ông tuổi cao. Thực tế, *cạo râu* không có nghĩa là tuổi tác sẽ trẻ lại, vậy nên người con gái đã yêu cầu một hành động phi thực tế. Điều này cho thấy, cô gái đã vi phạm điều kiện thực hiện hành động cầu khiến: người nghe không có khả năng làm mình trẻ lại và người nói biết rõ điều đó, nghĩa là người nói không thực sự mong muốn người nghe thực hiện hành động đó. Do vậy, lời thoại của người con gái không có hiệu lực trực tiếp cầu khiến mà là gián tiếp thực hiện hành động *từ chối*, *chê bai* chàng trai, *có râu như vậy tức là đã già rồi* (không xứng hợp với cô). Thông qua suy ý, chàng trai hiểu rằng cô gái yêu cầu mình *cạo râu* chính là hàm ngôn *chê* mình đã già nên anh ta đã có hành động giải thích là do *“ba cái râu mọc sớm”*. Cô gái đã dùng hành động tại lời gián tiếp để nhằm đạt được ý đồ mà mình muốn biểu đạt ngoài nghĩa tường minh trên bề mặt câu chữ.

(b) sử dụng cấu trúc của hành động tại lời trực tiếp là *hỏi* để thực hiện hành động tại lời gián tiếp là *từ chối*, *phủ nhận*, *chào*, *tỏ tình*, *thách đố*, *trách móc*, *than thở*, *hứa hẹn*, *khẳng định*... (có 83 lượt lời, chiếm 50,9%). Ví dụ:

- (27) – Ngó lên đám mạ ba gò
Thấy em nhỏ tuổi chẵn bờ anh thương.
(28) – Thò tay ngắt ngọn rau mương,
Bờ em, em dất, anh thương nổi gì?

Ở ngữ liệu (28), cô gái đã dùng một cấu trúc của hành động *hỏi*, tuy nhiên trong trường hợp này cô không cần thiết thu nhận thông tin hỏi đáp, nghĩa là người nói không muốn người nghe trả lời. Do vậy, phát ngôn của con không thực hiện hành động tại lời trực tiếp là *hỏi* nữa, mà chuyển sang hành động tại lời gián tiếp là *từ chối* (*sự quan tâm của chàng trai*).

(c) sử dụng cấu trúc của hành động tại lời trực tiếp là *kể* (*trần thuật - miêu tả*) để thực hiện hành động tại lời gián tiếp là *trách móc*, *nhắc nhở*, *phân trần*, *giễu cợt*, *tỏ tình*... (có 39 lượt lời, chiếm 23,9%). Ví dụ:

- (29) – Chờ anh nên tuổi em cao
Nên duyên em lọt, má đào em phai.
(30) – Má đào ra nắng nó phai,
Ra mưa nó lọt, chớ nào ai biểu chờ?

Ở ngữ liệu (29), cô gái đã *kể* với chàng trai về việc cô đợi chờ chàng đến “tuổi cao”, “duyên lọt” và “má đào phai”. Song, chủ ý của cô không chỉ muốn chàng trai tiếp nhận thông tin mà cô cung cấp. Cốt lõi của phát ngôn đó là cô gái muốn *trách móc* chàng trai (sao lại để cô đợi chờ quá lâu). Hồi đáp của chàng trai cũng cho thấy chàng đã hiểu hành động tại lời gián tiếp của cô gái. Chàng trai đã dùng hành động tại lời trực tiếp là *hỏi* nhằm tạo ra hành động tại lời gián tiếp *phủ nhận* (lời trách móc của cô gái).

Cần phải nói thêm rằng, trong thực tế giao tiếp, đôi khi một phát ngôn không chỉ có một đích tại lời mà nó có thể hướng đến nhiều đích tại lời khác nhau. Chúng tôi chỉ khảo sát những trường hợp người nói dùng cấu trúc của một hành động tại lời này nhưng cố ý hướng người nghe đến một hành động tại lời gián tiếp khác. Đó chính là chiến lược giao tiếp khéo léo và xuất hiện phổ biến trong các bài ca dao về tình yêu đôi lứa.

3. Kết luận

Khảo sát 179 cuộc giao tiếp thông qua các bài ca dao về tình yêu đôi lứa với 358 lượt lời, chúng tôi nhận thấy có bốn chiến lược giao tiếp nổi bật: (1) sử dụng từ xưng hô phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp, (2) cố ý vi phạm phương châm về lượng, (3) sử dụng lối nói mơ hồ, vòng

vo, (4) sử dụng hành động tại lời gián tiếp. Tùy theo điều kiện, hoàn cảnh, mục đích giao tiếp mà một trong bốn chiến lược trên sẽ được sử dụng với tần suất cao hay thấp.

Các cuộc giao tiếp nhằm *chào hỏi, làm quen*, tác giả dân gian có xu hướng sử dụng các từ xưng hô có mức độ thân cận thấp hoặc chọn cách nói khuyết từ xưng hô. Khi mối quan hệ được thiết lập và mức độ thân cận tăng lên, các từ xưng hô sẽ được điều chỉnh cho phù hợp. Họ cũng chọn lối nói cố ý vi phạm phương châm về lượng với tỉ lệ cao ở những cuộc giao tiếp *chào hỏi, làm quen, tỏ tình, bày tỏ cảm xúc về tình yêu tan vỡ*, bởi lẽ những trường hợp này người nói thường khó mở lời, đòi hỏi phải có những ngôn từ dẫn lời. Trong khi đó, lối nói mơ hồ, vòng vo lại được ưu tiên sử dụng trong những cuộc giao tiếp hướng đến mục đích *hứa hẹn, thể nguyện, tỏ tình*. Lối nói này như một phương thức giúp nhân vật bày tỏ nỗi lòng đầy ẩn ý hoặc tránh nói ra những điều dung tục, cảm kích. Một trong những chiến lược được xuất hiện với tần suất cao chính là cách sử dụng hành động tại lời gián tiếp trong phát ngôn. Tác giả dân gian sử dụng chủ yếu ba cấu trúc hành động tại lời trực tiếp gồm *hỏi, cầu khiến, kể* nhưng lại tạo ra được hầu hết các hành động tại lời gián tiếp xuất hiện trong giao tiếp lứa đôi như: *chào hỏi, làm quen, thách đố, hứa hẹn, thể nguyện, giải bày, trách móc, chối từ, phủ nhận...* Mặc dù khuôn khổ bài viết, chúng tôi chỉ khảo sát những lượt lời mà người nói cố tình dùng cấu trúc này để hướng người nghe đến hành động tại lời gián tiếp khác. Song qua đây chúng tôi cũng nhận thấy, hướng nghiên cứu về hành động tại lời gián tiếp trong ca dao nói chung và ca dao tình yêu nói riêng chắc chắn hứa hẹn nhiều điều mới mẻ và hấp dẫn.

Trong ca dao về tình yêu đôi lứa, các chiến lược giao tiếp khi xuất hiện cùng một lúc nhằm bổ sung và hỗ trợ cho nhau để đạt được mục đích giao tiếp tuyệt đối. Mặt khác, ranh giới giữa các chiến lược giao tiếp đôi khi khó phân lập rõ ràng, bởi bên trong chiến lược này có thể ẩn chứa một chiến lược khác. Vì vậy, khi khảo sát các chiến lược giao tiếp trong ca dao tình yêu nói riêng và giao tiếp nói chung, rất cần thiết phải xác lập mục đích tối ưu của cuộc giao tiếp là gì, trên cơ sở đó, chúng ta sẽ nhận ra chiến lược nào được vận dụng chủ yếu, chiến lược nào mang tính thứ yếu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đỗ Hữu Châu, 2003. *Cơ sở Ngữ dụng học* (tập 1). Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [2] Nguyễn Đăng Khánh, 2014. Các chiến lược của lối nói vòng vo. *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 5.
- [3] Vũ Ngọc Phan, 1999. *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội Hà Nội.
- [4] Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật (chủ biên), 2001. *Kho tàng ca dao người Việt*. Nxb Văn hóa thông tin.
- [5] Huỳnh Ngọc Trảng, Phạm Thiếu Hương, 2020. *Ca dao dân ca Nam Bộ*. Nxb Văn hóa văn nghệ.
- [6] Nguyễn Hoàng Phương, 2018. *Ca dao tục ngữ Việt Nam*. Nxb Thanh niên.
- [7] Bùi Mạnh Nhị (chủ biên), 2001. *Văn học dân gian những công trình nghiên cứu*. Nxb Giáo dục.
- [8] Nguyễn Xuân Kính, 1992. *Thi pháp ca dao*. Nxb Khoa học xã hội Hà Nội.
- [9] Phạm Thu Yên, 2013. *Những thế giới nghệ thuật của ca dao*. Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
- [10] Triều Nguyên, 2000. *Nghệ thuật chơi chữ trong ca dao người Việt*. Nxb Thuận Hóa.
- [11] Vũ Thị Thu Hương, 2000. *Ca dao Việt Nam và những lời bình*. Nxb Văn hoá thông tin.
- [12] Phạm Thị Hà, 2008. Đại từ nghi vấn “ai” với việc biểu thị hành vi hỏi trong ca dao tỏ tình người Việt. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*. Số 2, tr. 53-59.

- [13] Bùi Trọng Ngoãn, 2009. Đọc lại hai bài ca dao dưới góc nhìn ngữ dụng học. *Tạp chí Khoa học & Công nghệ Đại học Đà Nẵng*. Số 5 (34). tr. 115-119.
- [14] Vũ Thị Tuyết, 2014. Mối quan hệ giữa tiền giả định và ý nghĩa hàm ẩn trong bài ca dao Hôm qua tát nước đầu đình. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*. Số 10, tr. 36-41.
- [15] Huỳnh Kim Tường Vi, Thạch Thị Hoàng Ngân, 2012. Từ ngữ xưng hô trong thơ ca dân gian Nam Bộ. *Tạp chí Ngôn ngữ*. Số 8. tr. 73-80.
- [16] Đậu Thị ánh Tuyết, 2014. Ngôn ngữ trong ca dao tình yêu của người Việt vùng Sông nước Cửu Long. *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*. Số 8. tr. 48-52.
- [17] Nguyễn Thị Hải, 2014. Động từ ngữ vi cầu khiến trong ca dao người Việt. *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*. Số 8. tr. 53-58.
- [18] Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Thị Ngọc Diệp, 2007. *Ngữ dụng học*. Nxb Giáo dục.
- [19] Đỗ Hữu Châu, 2001. *Đại cương ngôn ngữ học* (tập 2). Nxb Giáo dục.

ABSTRACT

Some communication strategies in folk songs about couple's love

Truong Chi Hung

Faculty of Education, An Giang University

Ca dao about couple's love are a part of Vietnamese folklore. In this article, we study Ca dao about couple's love from the perspective of pragmatics, specifically showing communication strategies used by folk authors. Through the survey, we found that, in order to establish and maintain a harmonious relationship in communication, folk authors have had strategies to choose appropriate words and ways to establish appropriate linguistic actions. In addition, they implement the strategy of creating implication by using ambiguous, roundabout speech and using indirect-speech actions. Reasonable communication strategies have contributed to helping folk authors achieve optimal communication purposes.

Keywords: Folk songs, communication strategies, addressing words, implication.